

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **3342**/UBND-TTHC

V/v biên dịch sang tiếng nước ngoài các thủ tục hành chính có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- Các Sở: Giao thông vận tải, Công Thương, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư.

Qua xem xét đề xuất của Văn phòng UBND tỉnh về việc biên dịch sang tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật đối với các thủ tục hành chính (TTHC) của 09 sở, ban ngành (*Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giao thông vận tải, Công Thương, Ngoại vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội*), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành nêu trên chịu trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ, chính xác nội dung từng TTHC thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị mình theo đúng quy định pháp luật gửi Sở Ngoại vụ để tổ chức biên dịch sang tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật đối với các TTHC có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài *như Phụ lục kèm theo; hoàn thành việc gửi Sở Ngoại vụ trước ngày 25/7/2022.*

2. Giao Sở Ngoại vụ

a) Chịu trách nhiệm tổ chức biên dịch chính xác nội dung các TTHC nêu trên sang các loại tiếng nước ngoài gồm: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật (theo đúng ngôn ngữ chuẩn và chuyên ngành); bàn giao kết quả tài liệu biên dịch (bản giấy và file mềm) cho Văn phòng UBND tỉnh để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo công khai phục vụ nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài theo quy định; **hoàn thành trước ngày 15/9/2022.**

b) Tổng hợp đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

Việc biên dịch sang tiếng nước ngoài các TTHC có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài sẽ giúp cho nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài kịp thời tiếp cận thông tin, nắm bắt các chủ trương, chính sách, quy định

pháp luật hiện hành của Trung ương nói chung, của tỉnh nói riêng; đồng thời góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC, nâng cao chỉ số, thứ hạng năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI). Vì vậy, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu trên khẩn trương, nghiêm túc phối hợp, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, TTHC, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC(nqv).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC
Danh mục thủ tục hành chính biên dịch sang tiếng nước ngoài
(Kèm theo Công văn số 3342/UBND-TTHC ngày 08/7/2022 của
Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
1. Sở Công Thương		
1.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
2.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
3.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
4.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
5.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Quảng Ngãi.	
6.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	
7.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	
8.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa: gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	
9.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	
10.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
11.	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
12.	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	
13.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
14.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
15.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ; loại hình cơ sở bán lẻ (trừ trường hợp thay	

	đổi loại hình cơ sở bán lẻ thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini); điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
16.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	
17.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	
18.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	
19.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
20.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
21.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	
	2. Sở Giao thông vận tải	
22.	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	
	3. Sở Kế hoạch và Đầu tư	
23.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	
24.	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	
25.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
26.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
	4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
27.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
28.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
29.	Gia hạn cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
30.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
	5. Sở Ngoại vụ	
31.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
32.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
33.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
34.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc	

	tê không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	
	6. Sở Thông tin và Truyền thông	
35.	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	
36.	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương)	
37.	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	
38.	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
39.	Cấp đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
	7. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN tỉnh	
40.	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (<i>Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư</i>)	
41.	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (<i>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</i>)	
42.	Chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	
43.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	
44.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	
45.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	
46.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	
47.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư.	
48.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm.	
49.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư	
50.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
51.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp.	
52.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh	

	doanh	
53.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
54.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	
55.	Điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	
56.	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
57.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
58.	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
59.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
60.	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	
61.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
62.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
63.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đối với các dự án trong Khu đô thị mới Vạn Tường, trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp được giao quản lý (theo ủy quyền của các đơn vị, địa phương liên quan) thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo pháp luật về xây dựng	
64.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đối với các dự án trong Khu đô thị mới Vạn Tường, trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp được giao quản lý (theo ủy quyền của các đơn vị, địa phương liên quan) thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo pháp luật về xây dựng	
65.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đối với các dự án trong Khu đô thị mới Vạn Tường, trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp được giao quản lý (theo ủy quyền của các đơn vị, địa phương liên quan) thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo pháp luật về xây dựng	
66.	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với sử dụng vốn khác thuộc diện phải thẩm định trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp được giao quản lý, trừ công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm	

	<i>định)</i>	
67.	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đối với dự án nhóm C trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	
68.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
69.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
70.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
71.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
72.	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
73.	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	
74.	Giao lại đất hoặc cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao lại đất, cho thuê đất của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
75.	Gia hạn sử dụng đất.	
76.	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế Dung Quất.	
77.	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động.	
78.	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế Dung Quất.	

79.	Đăng ký Nội quy lao động.	
80.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D (C/O Mẫu D)	
81.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình đối với dự án nhóm C trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
82.	Thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
83.	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
	8. Sở Tư pháp	
84.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
85.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
86.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
87.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
88.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
89.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
90.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	
91.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
92.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	
93.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.	
94.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	
95.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	
96.	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	
97.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
98.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em	

	Việt Nam làm con nuôi	
99.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
100.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
101.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
102.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
103.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
104.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
105.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
106.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
107.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	
108.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
109.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
110.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
111.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
112.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
113.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
114.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
115.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
	9. Sở Y tế	
116.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	

